

## Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

### Học kỳ Thu

## KINH TẾ HỌC VI MÔ DÀNH CHO CHÍNH SÁCH CÔNG

### Bài tập 1

**Câu 1:** Lợi ích từ thương mại, lợi thế so sánh tuyệt đối.

Anh/chị hãy điền số thích hợp vào những ô trống trong bảng dưới đây

	GIÁP		ÁT	
	Thịt	Rau	Thịt	Rau
Số giờ cần thiết để sản xuất 1kg	2	0,2	1	0,5
Số kg sản xuất được mỗi ngày (10 giờ)				
Sản xuất và tiêu dùng khi tự cung tự cấp (với giả định mỗi người dành một nửa thời gian để sản xuất mỗi mặt hàng)				
<b>Khi có thương mại</b>				
Sản xuất theo hướng chuyên môn hóa				
Trao đổi (1 kg thịt đổi được 5 kg rau)		-20		
Tiêu dùng				
Lợi ích từ thương mại (so sánh số lượng tiêu dùng trong 2 trường hợp)				

**Câu 2:** Lợi ích từ thương mại, lợi thế so sánh tương đối.

Anh/chị hãy điền số thích hợp vào những ô trống trong bảng dưới đây

	GIÁP		ÁT	
	Thịt	Rau	Thịt	Rau
Số giờ cần thiết để sản xuất 1kg	2	0,5	1	0,4
Số kg sản xuất được mỗi ngày (10 giờ)				
Sản xuất và tiêu dùng khi tự cung tự cấp	2,5			10
<b>Khi có thương mại</b>				
Sản xuất theo hướng chuyên môn hóa				
Trao đổi (1 kg thịt đổi được 3,5 kg rau)				+10,5
Tiêu dùng				
Lợi ích từ thương mại (so sánh số lượng tiêu dùng trong 2 trường hợp)				

**Câu 3.** Cân bằng thị trường

Biểu cung và biểu cầu thị trường của một hàng hóa được cho ở bảng dưới đây

Mức giá (P) (triệu đồng/tấn)	Lượng cung ( $Q^S$ ) (ngàn tấn)	Lượng cầu ( $Q^D$ ) (ngàn tấn)
15	100	250
20	120	220
25	140	190
30	160	160
35	180	130
40	200	100

- Mức giá và sản lượng cân bằng của hàng hóa này là bao nhiêu?
- Nếu chính phủ ấn định mức giá của hàng hóa là 35 triệu đồng/tấn thì thị trường xảy ra tình trạng dư thừa hay thiếu hụt hàng hóa? Mức dư thừa hay thiếu hụt là bao nhiêu?
- Mức giá này gọi là giá trần hay giá sàn?
- Anh/chị hãy viết phương trình đường cung và phương trình đường cầu.